

Số: 2115/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Hữu Tám
(địa chỉ: thôn Phước Nhơn, xã Phổ Nhơn,
thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;

Theo phân công nhiệm vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2021 – 2026 tại Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Qua xem xét nội dung đơn khiếu nại đề ngày 30/6/2019 của ông Nguyễn Hữu Tám; Báo cáo số 294/BC-TCTLN ngày 08/12/2021 của Tổ công tác liên ngành (theo Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và được kiện toàn tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 31/5/2021) và kết quả đối thoại ngày 11/11/2021, cho thấy quá trình diễn biến vụ việc như sau:

I. Nội dung khiếu nại

Ông Nguyễn Hữu Tám khiếu nại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi, vì cho rằng chồng lần toàn bộ lên tổng diện tích đất ông Tám đang sử dụng là 79.437m², gồm 16 thửa đất (theo Bản đồ địa chính khu đất năm 2020) trên địa bàn xã Phổ Nhơn, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ: ((1) thửa đất số 437, diện tích 14.352m², tờ bản đồ số 2, loại đất CLN, xứ đồng Cơ Pa, thuộc xã Phổ Nhơn; (2) thửa đất 470, diện tích 24.770m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Ba Liên, thuộc xã Phổ Phong; (3) thửa đất số 469, diện tích 20.996m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Ba Liên, thuộc xã Phổ Phong; (4) thửa đất số 178, diện tích 5.325m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Sân Bóng, xã Phổ Nhơn; (5)

thửa đất số 382 diện tích 2.593m², loại đất BHK thuộc tờ bản đồ số 1, xứ đồng Cây Mít, xã Phở Nhơn; (6) thửa đất số 430, diện tích 1.647m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Huyện Đội thuộc xã Phở Nhơn; (7) thửa đất số 46, diện tích 560m², loại đất LUC thuộc tờ bản đồ số 1, xứ đồng Mỏ Vịt thuộc xã Phở Nhơn; (8) thửa đất số 108, diện tích 1.152m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Cây Xoài, xã Phở Nhơn; (9) thửa đất số 334 diện tích 400m², loại đất BHK thuộc tờ bản đồ số 2, xứ đồng Sân Bông, thuộc xã Phở Nhơn; (10) thửa đất số 7, diện tích 995m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Xưởng Đường, xã Phở Nhơn; (11) thửa đất số 13, diện tích 316m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Xưởng Đường, xã Phở Nhơn; (12) thửa đất số 417, diện tích 212m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Mỏ Vịt, xã Phở Nhơn; (13) thửa đất số 416, diện tích 894m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Mỏ Vịt thuộc xã Phở Nhơn; (14) thửa đất số 415, diện tích 3.568m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Mỏ Vịt, thuộc xã Phở Nhơn; (15) thửa đất số 84, diện tích 877m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Trước bộ, thuộc xã Phở Phong; (16) thửa đất số 99, diện tích 780m², loại đất LUC thuộc Tờ bản đồ số 1, xứ đồng Đội 2, thuộc xã Phở Nhơn).

Ông Nguyễn Hữu Tám yêu cầu xem xét lại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh và giải quyết cho gia đình Ông được hưởng quyền lợi đối với 16 thửa đất theo quy định tại Điều 53, Điều 76, khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và quy định khác liên quan đến thu hồi, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

II. Kết quả xác minh đơn khiếu nại

Nông trường 24/3 huyện Đức Phổ (về sau là Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi và nay là Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi) được UBND tỉnh Nghĩa Bình thành lập tại Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 30/12/1977. Năm 1990, UBND huyện Đức Phổ và UBND xã Phở Phong, xã Phở Nhơn cùng Nông trường 24/3 tiến hành cắm cột mốc ranh giới giữa các xã với Nông trường 24/3 để phân định thẩm quyền ranh giới về đất đai. Năm 1990 - 1991, Đoàn điều tra cơ bản của Ban quản lý đất đai tỉnh đã tiến hành đo vẽ, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 cho toàn bộ phần diện tích Nông trường 24/3 đang quản lý. Năm 1992, Nông trường 24/3 được chuyển giao về cho Sở Nông lâm nghiệp quản lý, sau đó được sáp nhập với Lâm trường Đức Phổ để thành lập Nông trường 24/3 Quảng Ngãi (tại Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Quảng Ngãi). Năm 2015, UBND tỉnh có Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty thì tổng diện tích đất là **709,44ha** và được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi thuê diện tích 709,448ha, thời hạn thuê là 49 năm.

- Khi thực hiện Dự án 327 về trồng cây cao su, ông Nguyễn Hữu Tám lúc bấy giờ là công nhân Nông trường 24/3 có đơn ngày 25/9/1993 xin nhận đất trồng cây cao su theo Dự án 327, diện tích đất xin trồng là **3,16ha** tại xứ đồng Ba Liên, thuộc Phở Phong (Theo bản đồ đo vẽ năm 2020 là thửa số 470, diện tích 24.770m² và thửa số 469, diện tích 20.996m²). Trước đó (vào năm 1992), bà Bùi Thị May (vợ ông Tám) cũng là công nhân Nông trường 24/4, được Nông trường giao đất trồng cây cao su với diện tích **1,82ha** tại xứ đồng Cơ Ba, thuộc xã Phở Nhơn; theo Bản đồ đo vẽ năm 2020 nay là thửa số 437, diện tích 14.352m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 2. Toàn bộ diện tích các thửa đất này đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi vào ngày 25/10/2016, được cập nhật chỉnh lý đổi tên thành Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi vào ngày 07/02/2018.

Về thủ tục nhận đất trồng cây cao su: Giữa Ban quản lý Dự án Nông trường 24/3 đã tiến hành xác lập Hợp đồng kinh tế trồng cao su theo Dự án 327 với bà Bùi Thị May vào ngày 25/10/1992 và ông Nguyễn Hữu Tám vào ngày 25/9/1993; đồng thời, cùng ngày, bà May, ông Tám có đơn gửi Kho bạc tỉnh Quảng Ngãi và Ban quản lý điều hành dự án Nông trường 24/3 xin vay vốn để sử dụng vào mục đích khai hoang và trồng mới cao su năm 1992, năm 1993, giữa Ban quản lý Dự án 327 với bà Bùi Thị May và ông Nguyễn Hữu Tám xác lập Khế ước vay tiền, với tổng số tiền 32.935.216 đồng.

Do quá trình trồng cây cao su không có hiệu quả, UBND tỉnh thông nhất (*Thông báo số 30/TB-UB ngày 19/3/2002*) hủy toàn bộ diện tích trồng cây cao su do các hộ công nhân nông trường và người dân thực hiện, khoan nợ vốn vay hoặc xóa nợ.

Khi chấm dứt dự án, theo Thông báo số 32/TB-UB ngày 21/4/2003 của UBND huyện Đức Phổ thì các hộ phải làm đơn xin nhận đất để trồng mía và cam kết trả nợ vay trồng cao su. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ vợ chồng ông Tám, bà May không có đơn xin nhận đất trồng mía và cam kết trả nợ, không chấp hành đúng văn bản nêu trên, nhưng quá trình sử dụng, gia đình ông có thực hiện theo Kế hoạch sản xuất của Nông trường 24/3. Thể hiện qua việc, ngày 21/7/2011, gia đình ông Nguyễn Hữu Tám có đơn gửi đến Công ty Nông nghiệp 24/3 Quảng Ngãi xin giao khoán đất nông lâm nghiệp để xin giao tổng diện tích 67.268m² (trong đó có 02 thửa đất nêu trên), đơn xin chuyển đổi cây trồng ngày 5/10/2004, đơn xin xác định lại diện tích đất ngày 14/11/2008, đơn xin sản xuất luân canh đất ngày 02/12/2012 (đối với thửa 470); đơn đề nghị xác định diện tích giao khoán cây lâu năm ngày 25/10/2003, đơn xin khai thác gỗ ngày 24/8/2008, đơn xin xác định lại diện tích ngày 14/11/2008 (đối với thửa đất số 437); đồng thời, từ khi chuyển sang trồng cây mía ông Tám có nộp sản lượng cho Nông trường 24/3 (sau này là Công ty) từ năm 2005 đến năm 2017.

- Diện tích đất Ban quản lý Dự án Nông trường 24/3 giao cho gia đình bà Bùi Thị May (ông Tám) sản xuất lấy ngắn nuôi dài khi thực hiện Dự án

327: Theo bản đồ địa chính khu đất lập năm 2020, gồm 03 thửa: (1) thửa đất số 178, diện tích 5.325m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 2, xã Phở Nhon; (2) thửa đất số 382 diện tích 2.593m², loại đất BHK thuộc tờ bản đồ số 1, xã Phở Nhon; (3) thửa đất số 415, diện tích 3.568m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xã Phở Nhon. Toàn bộ diện tích các thửa đất này đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 vào ngày 25/10/2016, được cập nhật chỉnh lý đổi tên thành Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi vào ngày 07/02/2018. Nguồn gốc đất này là Nông trường 24/3 chủ trương khai hoang trước năm 1993 (còn gọi là đất thuần), khi có Dự án trồng cây cao su thì Ban quản lý Dự án Nông trường 24/3 giao diện tích đất này cho gia đình ông Nguyễn Hữu Tám để tự sản xuất trong thời gian chờ thu hoạch mủ cây cao su. Tuy nhiên, sau khi kết thúc dự án trồng cây cao su năm 2002, ông Tám vẫn tiếp tục canh tác đối với diện tích này.

- Diện tích đất Nông trường 24/3 giao cho gia đình ông Tám sản xuất để trồng lúa (ổn định lương thực): Theo bản đồ địa chính khu đất lập năm 2020, gồm có 03 thửa: (1) thửa đất số 430, diện tích 1.647m², tờ bản đồ số 2, thuộc xã Phở Nhon; (2) thửa đất số 46, diện tích 560m², thuộc tờ bản đồ số 1, thuộc xã Phở Nhon; (3) thửa đất số 108, diện tích 1.152m², tờ bản đồ số 1, xã Phở Nhon. Nguồn gốc các thửa đất này nguyên là đất của Nông trường 24/3 giao cho gia đình ông Tám để trồng lúa ổn định lương thực. Đến năm 2004, Nông trường 24/3 có Quyết định số 07/QĐ-NT ngày 29/9/2004 về việc quyết định phân hạng chia lại ruộng đất gia đình ông Tám gồm các thửa đất trên.

- Diện tích đất ông Nguyễn Hữu Tám khai phá bờ lô và khai hoang (ông Tám cho rằng khai từ năm 1985 - 1992): Theo bản đồ địa chính khu đất lập năm 2020, gồm 07 thửa: (1) thửa đất số 334 diện tích 400m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, xã Phở Nhon; (2) thửa đất số 7, diện tích 995m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 2, xã Phở Nhon; (3) thửa đất số 13, diện tích 316m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 2, xã Phở Nhon; (4) thửa đất số 417, diện tích 212m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xã Phở Nhon; (5) thửa đất số 416, diện tích 894m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 1, xã Phở Nhon; (6) thửa đất số 84, diện tích 877m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 1, xã Phở Phong; (7) thửa đất số 99, diện tích 780m², loại đất LUC, thuộc tờ bản đồ số 1, xã Phở Nhon. Đây là diện tích đất thuộc phạm vi quản lý của Nông trường để làm bờ chống cháy, đường đi... trong quá trình sản xuất. Khi ông Tám khai hoang Nông trường 24/3 trước đây cũng như về sau là Công ty chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời và cũng không báo cáo chính quyền địa phương để xử lý. Mặt khác ông Nguyễn Hữu Tám cho rằng ông khai hoang các thửa đất này từ năm 1985 và năm 1992, nhưng ông không cung cấp được bất cứ giấy tờ nào theo quy định của pháp luật để chứng minh thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào năm 1985 và năm 1992.

Qua kiểm tra thực tế, đối chiếu với điểm mốc xác định ranh giới giữa Công ty 24/3 và các xã Phổ Nhơn, Phổ Phong qua từng giai đoạn (năm 1990, 2014) thì **16 thửa đất**, tổng diện tích **79.437m²** mà ông Nguyễn Hữu Tám đang canh tác đều nằm trong phạm vi ranh giới đất Nông trường 24/3 quản lý, sử dụng trước đây và sau này là Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi.

III. Kết quả đối thoại

Tại buổi đối thoại ngày 11/11/2021, các thành phần tham dự đều thống nhất về nội dung diễn biến vụ việc và kết quả báo cáo xác minh. Về phía người khiếu nại là ông Nguyễn Hữu Tám đã được công khai toàn bộ kết quả xác minh, thể hiện rõ thông tin các mốc giới cắm năm 1990, 2014 xác định ranh giới diện tích đất do Nông trường 24/3 quản lý với các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn, trong đó có phần diện tích của ông đang khiếu nại; đồng thời, cũng công khai toàn bộ nội dung các tài liệu liên quan đến khiếu nại của ông Tám.

Qua đối thoại, ông Tám thừa nhận đối với diện tích đất của Dự án 327 trồng cây cao su được Ban quản lý Dự án Nông trường 24/3 giao cho bà Bùi Thị May, ông Nguyễn Hữu Tám nhận năm 1992, 1993, nguyên là đất trước đây của Nông trường 24/3 một phần đã trồng mía, trồng chè chứ không phải đất khai hoang như trong đơn xin vay vốn năm 1992, 1993 để sử dụng vào mục đích khai hoang. Tuy nhiên, ông Tám vẫn bảo vệ quan điểm yêu cầu giải quyết như trên.

IV. Kết luận

- Đối với diện tích đất vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tám, bà Bùi Thị May nhận trồng cây cao su có hợp đồng với Ban quản lý Dự án 327, thời gian sử dụng đất theo dự án trồng cây cao su: Sau khi Dự án kết thúc năm 2002, diện tích đất trồng cây cao su được chuyển sang trồng mía theo chủ trương của UBND tỉnh. Ngày 21/04/2003, UBND huyện Đức Phổ có Thông báo số 32/TB-UB có nêu người dân nhận đất trồng cây cao su trước đây, nếu muốn tiếp tục sử dụng phải làm đơn xin nhận đất để trồng mía và cam kết trả nợ vay trồng cây cao su. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ ông Tám, bà May không có đơn như nội dung Thông báo yêu cầu, nhưng quá trình sử dụng, vợ chồng ông Tám vẫn thực hiện theo kế hoạch sản xuất của Nông trường 24/3 (về sau là Công ty) và nộp sản lượng cho Nông trường. Căn cứ Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4, khoản 5 Điều 19, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì 03 thửa đất, tổng diện tích **60.118 m²**, cụ thể: **(1)** thửa đất số 437, diện tích 14.352m², tờ bản đồ số 2, loại đất CLN, xứ đồng Cơ Pa, thuộc xã Phổ Nhơn; **(2)** thửa đất 470, diện tích 24.770m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Ba Liên, thuộc xã Phổ Phong; **(3)** thửa đất số 469, diện tích 20.996m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Ba Liên, thuộc xã Phổ

Phong không đủ điều kiện để giải quyết quyền lợi cho gia đình ông Nguyễn Hữu Tám.

- Đối với diện tích đất thuần Ban quản lý Dự án Nông trường 24/3 giao cho gia đình ông Nguyễn Hữu Tám sản xuất: Đây là đất Nông trường 24/3 khai hoang trước năm 1993 Nông trường 24/3 giao gia đình ông Tám sử dụng để sản xuất trong khi chờ thu hoạch mù cây cao su, không phải đất tự ông Tám khai hoang trước đây; quá trình sử dụng gia đình ông Tám tuân theo kế hoạch sản xuất của Nông trường và Công ty, có nộp sản lượng. Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 19, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 thì **06 thửa đất** (bao gồm 03 thửa đất giao trồng lúa ổn định lương thực), tổng diện tích **14.845 m²** ((1) thửa đất số 178, diện tích 5.325m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Sân Bống, xã Phở Nhơn; (2) thửa đất số 382 diện tích 2.593m², loại đất BHK thuộc tờ bản đồ số 1, xứ đồng Cây Mít, xã Phở Nhơn; (3) thửa đất số 415, diện tích 3.593 m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xã Phở Nhơn; (4) thửa đất số 430, diện tích 1.647m², tờ bản đồ số 2, thuộc xã Phở Nhơn; (5) thửa đất số 46, diện tích 560m², thuộc tờ bản đồ số 1, thuộc xã Phở Nhơn; (6) thửa đất số 108, diện tích 1.152m², tờ bản đồ số 1, xã Phở Nhơn)) không đủ điều kiện để giải quyết quyền lợi cho gia đình ông Nguyễn Hữu Tám.

- Đối với diện tích đất ông Nguyễn Hữu Tám cho rằng tự khai hoang: Ông Tám cho rằng mình khai hoang năm 1985 và năm 1992, nhưng qua làm việc nhiều lần ông không có hồ sơ cung cấp chứng minh thời điểm khai hoang như ông trình bày; hơn nữa, đây là khu vực đất Nông trường 24/3 quản lý để làm bờ lô, bờ thửa, chống cháy, giao thông, ... trong quá trình sản xuất, lẽ ra khi ông Tám khai hoang trái phép thì Nông trường phải xử lý theo đúng quy định pháp luật nhưng lại không lập biên bản xử lý, từ đó, dẫn đến ông Tám cho rằng khai hoang không vi phạm, sử dụng ổn định là không có cơ sở. Căn cứ Điều 5 Luật Đất đai năm 1987, Điều 6 Luật Đất đai năm 1993; đồng thời, đối chiếu quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 19, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì **07 thửa đất** với tổng diện tích **4.474 m²** ((1) thửa đất số 334 diện tích 400m², tờ bản đồ số 2, xã Phở Nhơn; (2) thửa đất số 7, diện tích 995m², tờ bản đồ số 2, xã Phở Nhơn; (3) thửa đất số 13, diện tích 316m², tờ bản đồ số 2, xã Phở Nhơn; (4) thửa đất số 417, diện tích 212m², tờ bản đồ số 1, xã Phở Nhơn; (5) thửa đất số 416, diện tích 894m², tờ bản đồ số 1, xã Phở Nhơn; (6) thửa đất số 84, diện tích 877m², tờ bản đồ số 1, xã Phở Phong; (7) thửa đất số 99, diện tích 780m², thuộc tờ bản đồ số 1, xã Phở Nhơn)) không đủ điều kiện để giải quyết quyền lợi cho gia đình ông Nguyễn Hữu Tám.

- Đối với nội dung ông Nguyễn Hữu Tám khiếu nại và yêu cầu xem xét điều chỉnh lại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi là hoàn toàn không có căn cứ. Vì diện tích đất 709,44ha đã được UBND tỉnh quyết định cho Công ty 24/3 Quảng Ngãi thuê tại Quyết định 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 là trên cơ sở kết quả cắm mốc, đo đạc đường ranh giới, đo lập bản đồ địa chính, bản đồ ranh giới sử dụng đất do Công ty TNHH ứng dụng dịch vụ trắc địa Bình Tiến thực hiện (*Bản đồ đo vẽ năm 2014 đã được thẩm định*), các mốc này trên cơ sở thống nhất lấy mốc giới được cắm vào năm 1990 giữa các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn với Nông trường để phân định thẩm quyền quản lý. Qua phân tích ở phần II Quyết định này thì 16 thửa đất này không thuộc quyền quản lý, sử dụng của Nguyễn Hữu Tám mà toàn bộ do Nông trường 24/3 quản lý, sử dụng; do vậy, việc UBND tỉnh cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi tại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 là đúng quy định; đồng thời, tại Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty 24/3 cũng đã xác định diện tích “*quy hoạch quản lý, sử dụng đất sau khi sắp xếp*” của Công ty là 709,44ha. Căn cứ các quy định tại Điều 56, Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 thì trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh là đúng quy định.

Do vậy, toàn bộ khiếu nại, yêu cầu của ông Nguyễn Hữu Tám được hưởng quyền lợi đối với 16 thửa đất theo quy định Luật Đất đai năm 2013 là không có căn cứ.

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Không công nhận khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Tám yêu cầu giải quyết cho gia đình ông được hưởng quyền lợi đối với diện tích **79.437m²** của 16 thửa đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013; đồng thời, giữ nguyên nội dung Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi đối với phần diện tích **79.437m²** nêu trên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ có trách nhiệm tổ chức công khai nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định của pháp luật và giao Quyết định này cho ông Nguyễn Hữu Tám trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu ông Nguyễn Hữu Tám không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ, Chủ tịch UBND các xã Phổ Nhơn, xã Phổ Phong, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và ông Nguyễn Hữu Tám chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Tiếp công dân Trung ương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Thị ủy Đức Phổ;
- VPUB: PCVP (TD), KTN, TCD, CBTH;
- Lưu: VT, NC1013

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Tuấn